

Số: /TB-PKTHĐT

Hải An, ngày 16 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2024/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp về việc ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bản thông qua đấu giá.

Căn cứ Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án đấu giá; giá đất cụ thể; giải khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại Tổ dân phố số 6 phường Đằng Hải, quận Hải An (nay là phường Hải An), thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại Tổ dân phố số 6 phường Đằng Hải, quận Hải An (nay là phường Hải An).

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Hải An về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thuộc Tổ dân phố số 6, phường Đằng Hải (nay là tổ dân phố Đằng Hải 6, phường Hải An), thành phố Hải Phòng.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hải An thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại Tổ dân phố số 6 phường Đằng Hải, quận Hải An (nay là phường Hải An), thành phố Hải Phòng như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:**

- Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Hải An.

- Địa chỉ: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hải An - Số 10/15A đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

## **2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản: Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại Tổ dân phố số 6 phường Đằng Hải, quận Hải An (nay là phường Hải An), thành phố Hải Phòng.

- Số lượng: Tổng diện tích khu đất là 2.642,0m<sup>2</sup>.

- Chất lượng khu đất: Khu đất đấu giá trên đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng.

## **3. Giá khởi điểm:**

- Đối với diện tích 2.251,4m<sup>2</sup> đất xây dựng khu nhà ở thương mại (nhà liền kề): 2.251,4m<sup>2</sup> x 39.367.503 đồng/m<sup>2</sup> = 88.631.996.000 đồng (*Tám mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

- Ngoài số tiền trúng đấu giá được công nhận trong quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá phải nộp hoàn trả các chi phí nhà nước đã đầu tư và được quyết toán tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Ủy ban nhân dân quận Hải An (cũ) (*gồm: chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác*) với số tiền: **738.261.000 đồng** và tiền bảo vệ đất trồng lúa theo Văn bản số 36/TCKH ngày 21/02/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận Hải An (cũ) là: **343.460.000 đồng**.

## **4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:**

- Các tổ chức đấu giá tài sản đáp ứng được các quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản và Phụ lục I Bảng tiêu chí đánh giá chấm điểm của tổ chức đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp. Cụ thể:

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

+ Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

+ Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

+ Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

+ Giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

+ Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

## **5. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia đấu giá:**

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (bản chính);

- Phương án tổ chức đấu giá;

- Hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, chứng minh năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

*(Hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản đã nộp sẽ không được hoàn trả; Tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn sẽ không nhận được thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản của )hòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hải An, thành phố Hải Phòng).*

#### **6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:**

- Thời gian nộp hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản *(trong giờ hành chính)*.

- Địa điểm: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Địa chỉ: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hải An - Số 10/15A đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hải An, thành phố Hải Phòng trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp./.

#### ***Nơi nhận:***

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- TTĐU, TTHĐND (để b/c);
- CT, các PCT UBND phường (để b/c);
- VP HĐND-UBND phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- TP, các PTP;
- Lưu: VT, NNMT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Long Hưng**

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ**  
**ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-PKTHTĐT của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị  
phường Hải An về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản)*

| TT        | NỘI DUNG   | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|--|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>  |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố   | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố   | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>  | <b>19,0</b>        |
| <b>1.</b> | <b><i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>  | <b>10,0</b>        |
| 1.1       | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>   | 5,0                |
| 1.2       | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>  | 5,0                |
| <b>2.</b> | <b><i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>  | <b>5,0</b>         |
| 2.1       | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>  | 2,0                |
| 2.2       | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>  | 3,0                |
| <b>3.</b> | <b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i></b><br><b><i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b> | <b>2,0</b>         |
| <b>4.</b> | <b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>   | <b>1,0</b>         |

|            |  |             |
|------------|--|-------------|
| 5.         | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>  | <b>1,0</b>  |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>   | <b>16,0</b> |
| 1.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>   | <b>4,0</b>  |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả  | 2,0         |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả  | 2,0         |
| 2.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                  | <b>4,0</b>  |
| 3.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>  | <b>4,0</b>  |
| 3.1        | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật   | 2,0         |
| 3.2        | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá  | 2,0         |
| 4.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>         | <b>4,0</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>   | <b>57,0</b> |
| 1.         | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>15,0</b> |
| 1.1        | Dưới 20 cuộc đấu giá   | 12,0        |
| 1.2        | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá  | 13,0        |
| 1.3        | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá  | 14,0        |
| 1.4        | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên   | 15,0        |
| 2.         | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | <b>7,0</b>  |
| 2.1        | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)   | 4,0         |

|     |   |     |
|-----|---|-----|
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>  | 5,0 |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>  | 6,0 |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>   | 7,0 |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | 7,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>   | 4,0 |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>  | 5,0 |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>  | 6,0 |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>   | 7,0 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>  | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>   |     |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>   |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | 7,0 |

|     |   |            |
|-----|---|------------|
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>   | 4,0        |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>   | 5,0        |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>   | 6,0        |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>   | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | <b>4,0</b> |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>  | 2,0        |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>   | 3,0        |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>   | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>4,0</b> |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>  | 2,0        |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>  | 3,0        |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>  | 4,0        |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | <b>5,0</b> |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>   | 3,0        |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>  | 4,0        |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>  | 5,0        |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo</b>   | <b>5,0</b> |

|                     |   |            |
|---------------------|---|------------|
|                     | <b><i>cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  |            |
| 9.1                 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>   | 3,0        |
| 9.2                 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>   | 4,0        |
| 9.3                 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>  | 5,0        |
| <b>V</b>            | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>   | <b>8,0</b> |
| 1.                  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá   | 3,0        |
| 2.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó  | 2,0        |
| 3.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 3,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |   | <b>100</b> |